

TOÁT YẾU GIÁ TRỊ CỦA TIN LÀNH Ở VIỆT NAM

Tóm tắt: Mặc dù mỗi tôn giáo có thể giới quan, nhân sinh quan khác nhau nhưng giáo lý, giáo luật của mỗi tôn giáo đều hướng con người đến xã hội lý tưởng, có cuộc sống hạnh phúc, xây dựng mối quan hệ giữa người với người trung thực và nhân ái. Các tôn giáo đều có hệ giá trị, chuẩn mực riêng thể hiện niềm tin đặc thù. Trong hệ thống những giá trị, chuẩn mực tôn giáo ấy, ngoài những điều răn nhằm bảo vệ niềm tin tôn giáo, tức bảo vệ cái thiêng hoặc thế giới thiêng, tôn giáo còn có những điều răn quy định hành vi, lối sống của tín đồ. Những điều răn này được gọi là những chuẩn mực đạo đức mà nội hàm của nó thể hiện bằng các giá trị đạo đức được hướng tới trong xã hội thế tục, trong đó nhấn mạnh tới các mối quan hệ trong gia đình và ngoài cộng đồng. Bài viết này phân tích những giá trị đặc thù của Tin Lành và những giá trị tương đồng về luân lý, đạo đức phù hợp với công cuộc xây dựng lối sống con người ở Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: Giá trị, đạo đức, đặc thù, tương đồng, Tin Lành, Việt Nam.

1. Khái niệm giá trị của tôn giáo

Giá trị tôn giáo, với tư cách kép: vừa là giá trị tự thân, vừa là giá trị phổ quát, do đó là một trong những nhân tố quan trọng vừa tạo ra, vừa hấp thụ và phát triển hệ giá trị chung của xã hội. Giá trị của tôn giáo là một hệ giá trị có những khác biệt so với các hệ giá trị khác. Giá trị của tôn giáo có thể có những điểm tương đồng với các giá trị văn hóa. Theo một cách hiểu trong nhiều cách thì tôn giáo cũng thuộc phạm trù văn hóa. Mặt khác, đối với các nước có hệ tư tưởng tôn giáo đóng vai

* TS., Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Bài viết được trích yếu từ nội dung Đề tài cấp Bộ (2015-2016): *Giá trị và chức năng của Tin Lành trong xã hội Việt Nam hiện nay* do Viện Nghiên cứu Tôn giáo chủ trì.

trò chủ đạo chi phối định hướng xã hội thì tôn giáo với văn hóa rất khó phân định, tách bạch rạch ròi, như trường hợp các nước Islam giáo. Ở đó, các giá trị văn hóa dường như bao hàm các giá trị tôn giáo, thậm chí cả giá trị pháp lý cũng căn cứ trên giáo luật. Bởi vậy, mới xuất hiện các khái niệm giá trị văn hóa Công giáo, giá trị văn hóa Phật giáo, giá trị văn hóa Islam giáo...

Vậy, điểm đặc biệt trong giá trị của tôn giáo đối với các hệ giá trị khác là gì? Điều dễ nhận thấy nhất chính là “giá trị thiêng”. Giá trị thiêng biểu hiện rõ nét trong tư tưởng nhận thức hay các tín điều về nhân sinh quan và thế giới quan theo cách riêng của từng tôn giáo, thể hiện trong cách cử hành nghi lễ và trong niềm tin của các tín đồ. Không thể cắt nghĩa thấu đáo “giá trị thiêng” bằng nhãn quan thực chứng, duy vật hay thực nghiệm... Giá trị thiêng mang tính tiềm ẩn và hướng tín đồ tới các giá trị vĩnh hằng, như: Niết Bàn, Thiên đàng...

Dù vậy “giá trị thiêng” dường như chỉ là các “giá trị nội tại” của tôn giáo, được xác định là giá trị của chính tôn giáo. Thước đo ở đây là sự đồng cảm của các tín đồ trên cơ sở niềm tin và nghi lễ. Giá trị này chỉ có nghĩa đặt trong bối cảnh chủ thể, không gian và thời gian của chính tôn giáo đó tồn tại. Dễ thấy một tín đồ Tin Lành có niềm tin sâu sắc không thể thuyết phục một người “vô thần”, hay người không cùng niềm tin tin rằng Thiên Chúa là toàn năng đối với họ. Người “vô thần” hay ngoài Tin Lành có thể chia sẻ cảm thông chứ không coi đó là giá trị có tác động nhiều đến các khía cạnh đời sống với họ, đơn giản vì họ không là chủ thể, cũng không sống trong không gian tôn giáo với người Tin Lành. Vì vậy, nhìn nhận các “giá trị nội tại” bằng con mắt chủ quan của khách thể, nên chẳng cần có thái độ tôn trọng. Một thái độ thiếu tôn trọng hay phỉ báng là điều không cần thiết, thậm chí có thể kích động các giá trị tiềm ẩn thành những yếu tố bạo lực hay chia rẽ khối đoàn kết nội bộ của một cộng đồng tôn giáo nào đó.

Nếu nhìn từ các “giá trị nội tại” thì các giá trị này của tôn giáo có vẻ biệt lập với các giá trị đời sống. Trên thực tế, tôn giáo bao giờ cũng gắn với thiết chế tổ chức của nó được biểu hiện bằng các khái niệm như hội thánh, giáo hội... Ở trong các thiết chế đó, các thành viên cảm thấy thống nhất vì họ hình dung theo cùng một cách về thế giới thiêng và cùng một cách trong mối quan hệ với thế giới trần tục, và

với con người, họ biểu đạt các hình dung đó theo cùng cách thức tương đối thống nhất. Khi các thành viên cùng tập hợp trong những hệ giá trị của tôn giáo như vậy thì có nghĩa họ đã là những nhóm xã hội. Hơn nữa sự đa dạng về tổ chức xã hội khiến cho các tổ chức tôn giáo không phải là sự tồn tại duy nhất. Họ là những thực tại thiêng giữa xã hội trần thế đa dạng. Cũng từ đây, tổ chức tôn giáo và các cá nhân tín đồ phải xác lập các mối liên hệ với xã hội ngoài thế giới tôn giáo của họ trên các nền tảng giáo lý, tín điều mà tôn giáo quy định. Khi đó, các giá trị của tôn giáo sẽ gắn với hoàn cảnh tạo ra những giá trị mà được các cộng đồng ngoài nó nhìn nhận. Những giá trị này được xem là “giá trị ngoại tại”. Chẳng hạn, trước các vấn đề chiến tranh, giáo hội các tôn giáo luôn kêu gọi một nền hòa bình chung cho nhân loại; hay trước các vấn đề bất tự do, bất bình đẳng, tôn giáo kêu gọi tôn trọng phẩm giá và quyền tự nhiên của con người.... Giá trị ngoại tại của tôn giáo là giá trị có ý nghĩa và định hướng đối với tôn giáo và các cộng đồng khác trong xã hội, gắn với giá trị chung của xã hội, nhưng quan trọng là những giá trị ngoại tại ấy xuất phát từ niềm tin và tín điều của các tôn giáo.

Giá trị của tôn giáo còn khác biệt ở chỗ nó luôn nằm trong khuôn khổ của những giáo luật chứa đựng nhiều nấc thang quyết định những gì nên làm và không nên làm của cá nhân hay nhóm. Những quyết định này được dựa trên cơ sở chính yếu của lý trí và niềm tin của tín đồ¹.

2. Các giá trị của Tin Lành ở Việt Nam

2.1. Giá trị chân lý Tin Lành

Giá trị chân lý là *giá trị cốt lõi* nhất của tôn giáo. Tính ổn định lâu dài của thực thể tôn giáo trong lịch sử khẳng định giá trị chân lý, tạo ra ở người tin theo một niềm tin tuyệt đối vào thần minh, thượng đế hay lời răn của người sáng lập. Việc thực hành và phong cách sống của người tín đồ tối kỵ đi chệch hướng giá trị chân lý. Từ giá trị chân lý này, các ứng xử được quy tụ, tập trung, được trao truyền như các chuẩn mực và nguyên tắc sống của cá nhân và cộng đồng tôn giáo. Giá trị chân lý này là cốt lõi tạo nên niềm tin, tình cảm, nhận thức và hành vi của tín đồ, nhưng có tương quan sát sao với giá trị phổ quát, chỉ có là thuận hay nghịch mà thôi.

Theo từ điển Công giáo 500 mục từ, *Chân lý* là sự thật vốn có một cách khách quan. Người ta phải nhìn nhận nó, không tùy thuộc vào sở thích hay ý muốn cá nhân.

Theo Triết học, chân lý là thực tại trong nhận thức của con người đúng như chúng tồn tại nơi thực tế khách quan. Như Thánh Thomas de Aquino nói: “Chân lý là sự tương hợp giữa sự vật và chí khôn” (Veritas est adaequatio rei et intellectus).

Đối với người Kitô giáo, nguồn gốc của chân lý là Thiên Chúa, những lời của Ngài không thể sai lầm: “Căn nguyên Lời Ngài là chân lý, mọi quyết định công minh của Ngài tồn tại muôn năm” (Tv 119,160).

Thiên Chúa sai Con của Ngài đến thế gian là để “làm chứng cho sự thật” (Ga 18,37). Chính Chúa Jesus đã xưng: “Chính Thầy là Con Đường, là Sự Thật và là Sự Sống” (Ga 14,6)².

Chân lý luôn là một thành tố quan trọng, được lưu truyền trong các không gian văn hóa khác nhau của tôn giáo. Trên thực tế, bất cứ tôn giáo nào, trong đó có Tin Lành, đều chú trọng tới việc gìn giữ và truyền bá về chân lý của mình.

Tin Lành ra đời từ lần phân ly thứ 2 của Kitô giáo vào đầu thế kỷ XVI, gắn liền với sự ra đời của chủ nghĩa tư bản Tây Âu với những yêu cầu mới về kinh tế, chính trị, xã hội và tôn giáo.

Xuất phát từ Kitô giáo nên Tin Lành cũng lấy Cựu Ước và Tân Ước làm nền tảng giáo lý. Tuy nhiên, về luật lệ, nghi lễ, cách thức hành đạo và cơ cấu tổ chức giáo hội của Tin Lành có nhiều thay đổi so với Công giáo, ảnh hưởng đậm nét tư tưởng dân chủ tư sản, nhấn mạnh ý chí cá nhân.

Khác với Công giáo xây dựng nền tảng đức tin dựa trên Kinh Thánh và truyền thống giáo huấn của Giáo hội, bao gồm các chỉ dụ, sắc lệnh của giáo hoàng và các quyết định của Công đồng, quan điểm thần học của Tin Lành thể hiện qua 3 tín điều cơ bản: “chỉ có Đức Chúa Trời”, “chỉ có Kinh Thánh” và “chỉ có ân điển”³. Tin Lành đề cao vị trí quan trọng của Kinh Thánh, coi đó là quy luật đức tin và chuẩn mực đạo đức cao nhất. Kinh Thánh có quyền lực tối cao để xác định những gì con người tin cậy và lối sống của họ. Khi họ quyết tâm

làm theo lời giáo huấn của Đức Chúa Trời, người Tin Lành dù theo hệ phái nào cũng tin rằng Kinh Thánh có thẩm quyền cao nhất.

Kinh Thánh là Lời Thiên Chúa dưới sự linh ứng của Chúa Thánh Thần ủy thác cho các Tông đồ để họ truyền lại bằng lời rao giảng và văn tự. Đó là sự thiêng liêng, dạy dỗ của Thiên Chúa đối với con người, là nền tảng giáo lý và soi dẫn đức tin. Nó được người Tin Lành thừa nhận trở thành nền tảng của giáo lý đức tin để dẫn dắt tín hữu sống đạo.

Như vậy, việc các tín đồ Tin Lành đặt niềm tin tuyệt đối vào Kinh Thánh, việc họ thừa nhận những lời trong Kinh Thánh là sự thật chính, là giá trị chân lý đối với người Tin Lành. Nói cách khác, *giá trị chân lý của người Tin Lành chính là Kinh Thánh.*

Người Tin Lành nắm bắt được những chân lý mà Kinh Thánh đề cập về Đức Chúa Trời đứng đằng sau sự sáng tạo, Đấng đã có từ trước, danh Ngài được xưng là *Yahweh Elohim*⁴ có thân vị; rằng loài người được tạo dựng theo ảnh tượng của Đức Chúa Trời; và rằng con người có cả trách nhiệm lẫn đặc ân trong mối quan hệ với Đấng Tạo hóa. Đức Chúa Trời bày tỏ chính Ngài khi Ngài bước vào mối quan hệ với loài người. Con người cần tìm kiếm và xây dựng trên những giá trị tốt lành nguyên thủy của Đức Chúa Trời⁵.

Tín đồ Tin Lành tin vào Đức Chúa Trời, tin vào Kinh Thánh. Họ cho rằng ân sủng là điều mà mọi tín hữu có thể đạt được trực tiếp qua đức tin. Kinh Thánh có câu “người công chính sống bởi đức tin” (Rôma 1: 17).

Trong mười điều răn Đức Chúa Trời ban, có 4 điều răn đầu tiên liên quan gắn bó với Đức Chúa Trời.

(1) Ta là Giê Hô Va Đức Chúa Trời người đã rút ngươi ra khỏi xứ Ê dip-tô, là nhà nô lệ. Trước mặt ta, ngươi chớ có thần khác.

(2) Ngươi chớ làm tượng chạm cho mình, cũng chớ làm tượng nào giống những vật trên trời cao kia, hoặc dưới đất thấp này, hoặc trong nước dưới đất. Ngươi chớ quỳ lạy trước những hình tượng đó, và cũng đừng hầu việc chúng nó; Vì, ta là Giê Hô Va Đức Chúa Trời ngươi, tức là Đức Chúa Trời kị tà, hễ ai ghét ta, ta sẽ nhân tội tổ phụ phạt lại con cháu đến ba bốn đời, và sẽ làm ơn đến ngàn đời cho những kẻ yêu mến ta và giữ các điều răn ta.

(3) Người chớ lấy danh Giê Hô Va Đức Chúa Trời người làm chơi, vì Đức Giê Hô Va chẳng cầm bằng vô tội kẻ nào lấy danh Ngài mà làm chơi.

(4) Hãy nhớ ngày nghỉ đặng làm nên ngày Thánh. Người hãy làm hết công việc mình trong 6 ngày, nhưng ngày thứ 7 là ngày nghỉ của Giê Hô Va Đức Chúa Trời người. Trong ngày đó, người, con trai, con gái, tôi trai tớ gái, súc vật của người, hoặc khách ngoại bang ở trong nhà người, đều chớ làm công việc chi hết, vì trong sáu ngày Đức Giê Hô Va đã dựng nên trời, đất, biển, và muôn vật ở trong đó, qua ngày thứ bảy thì Ngài nghỉ và làm nên ngày thánh (Xuất Egipto 20: 1-11).

Đối với tín đồ Tin Lành, mẫu hình Chúa Jesus là biểu tượng bất tử, có sức sống mãnh liệt xuyên suốt chiều dài lịch sử. Chúa Jesus là mẫu hình con người lý tưởng để các tín đồ Tin Lành học hỏi, noi theo. Tín đồ Tin Lành nhận biết về chân lý có nghĩa là có đức tin vào Thiên Chúa.

Biểu hiện của chân lý về Đức Chúa Trời là Chúa Jesus. Kinh Thánh đã khẳng định điều này, Chúa Jesus phán: “Ta chính là Con đường, Chân lý và Nguồn sống; chẳng bởi Ta thì không ai đến cùng Cha được” (Giăng 14:6). Chúa Jesus là chìa khóa đức tin của người Tin Lành. Chúa Jesus là Đấng vô tội và công chính đẹp lòng Đức Chúa Trời trong mọi sự. Bản tính Đức Chúa Trời là tình yêu. Bởi vì, Chúa là Đấng Tạo hóa, Ngài biết rõ về tôi và cũng dạy tôi cách yêu người khác⁶.

2.2. Giá trị luân lý, đạo đức Tin Lành

Giá trị luân lý, đạo đức là *giá trị trội vượt* của hệ giá trị tôn giáo. Nhìn vào cách hành xử của tín đồ, có thể thấy rõ giá trị chân lý đã chi phối như thế nào đối với rường cột mối quan hệ giữa cuộc sống cá nhân và nhóm, cộng đồng. Cộng đồng tôn giáo chính là nơi biểu hiện rõ nhất các đặc trưng của luân lý đạo đức, là môi trường truyền dạy và phổ biến giá trị luân lý và đạo đức. Do đó, khi nhìn nhận một cộng đồng tôn giáo nào đó, nhất thiết phải xem xét phương diện giá trị luân lý và đạo đức như một ưu tiên của hành vi tôn giáo.

Tin Lành cũng như các tôn giáo khác, bên cạnh những mặt hạn chế do bản chất của nó quy định còn có rất nhiều những giá trị đạo đức

phù hợp với giá trị của xã hội đương thời, cần thiết phải được phát huy trong công cuộc xây dựng xã hội mới ở Việt Nam hiện nay.

Giá trị luân lý, đạo đức của Tin Lành được hình thành trên cơ sở thực hành niềm tin. Niềm tin có sức mạnh cực kỳ to lớn biến những hi vọng, những ước mong của con người thành hiện thực. Niềm tin liên quan đến tình cảm, ý chí, và lý trí của con người, là khởi nguồn làm nên sự thành đạt. Sẽ không có người nào trở thành lương thiện, nhân ái, chính trực nếu không có niềm tin hướng đến cái thiện.

Xuất phát từ niềm tin, tín đồ Tin Lành tìm thấy ở đó một mối ràng buộc về tâm linh, từ đó họ thực hiện những lời răn dạy của Đức Chúa Trời về đạo đức và lối sống, hay tham gia vào tổ chức xã hội, từ thiện với tinh thần tự nguyện. Lương tâm của mỗi tín đồ mộ đạo thôi thúc họ tự áp dụng những điều răn vào cuộc sống của mình mà không cần chế tài pháp luật nào.

Đức tin đối với tín đồ đạo Tin Lành là hướng đến Đức Chúa Trời với mục tiêu là thay đổi cuộc sống. Max Weber chỉ ra rằng tín đồ Tin Lành sống đạo đức để tìm kiếm sự hài hòa, đồng nhất giữa ý nguyện con người trong cuộc sống hiện tại và ý chí Thượng đế cho tương lai. Cuộc sống đạo hạnh mang tính chất tích cực, năng động tiến về phía trước và hướng đến tương lai. Vì Thần học luân lý của Martin Luther và Jean Calvin khai triển và nhấn mạnh đến chủ thể hành động đạo đức là con người phải được biến đổi tâm linh để xây dựng hạnh phúc bền vững⁷. Tín đồ Tin Lành tin và thực hiện sống công chính theo chuẩn mực của Đức Chúa Trời sẽ hướng đến sự hoàn thiện bản thân, sống tận tụy vì người khác, xây đắp tình yêu thương, hướng đến một thế giới tốt lành.

Những giá trị luân lý, đạo đức mang tính chuẩn mực cho đời sống và hành động của người Tin Lành tập trung vào mười điều răn được Đức Chúa Trời ban cho dân tộc Do Thái nhằm giữ gìn và bảo đảm không gian sinh sống an toàn cho con người giữa cộng đồng xã hội. Những điều răn này mặc dù đã được trao truyền từ xa xưa, nhưng giá trị của nó đã được minh chứng qua lịch sử, tinh thần của các điều răn vẫn được áp dụng và có tác dụng tích cực cho đến ngày nay. Dựa trên cơ sở nền đạo đức quy định trong Kinh Thánh, chúng tôi có những nhận định sau:

Thứ nhất, đạo đức Tin Lành được hình thành trên cơ sở tình yêu thương, hay nói cách khác, yêu thương là giá trị cốt lõi của Kitô giáo nói chung và Tin Lành nói riêng. Chúa Jesus khi tổng kết các điều răn luật pháp của Đức Chúa Trời chỉ gói gọn trong 2 điều: “Người hãy hết lòng, hết linh hồn, hết ý mà yêu mến Chúa, là Đức Chúa Trời người. Ấy là điều răn thứ nhất. Còn điều răn thứ hai đây. Cũng như vậy. Người hãy yêu kẻ lân cận như mình. Hết thầy luật pháp và lời tiên tri đều bởi hai điều răn đó mà ra” (Ma-Thi-ơ 22: 37-40).

Trong đạo đức Tin Lành, con người trước hết phải yêu Thiên Chúa, yêu thương bản thân, từ đó thực hiện tình yêu thương đối với tha nhân. Tình yêu thương trong đạo đức Tin Lành phải được thể hiện bằng những việc làm cụ thể.

Tình yêu thương trong đạo đức Tin Lành rất phù hợp với truyền thống “thương người như thể thương thân” của dân tộc Việt Nam. Đặc biệt trong xã hội hiện nay, con người sống trong áp lực từ nhiều phía, họ bị cuốn vào guồng quay của nền kinh tế thị trường, quan hệ giữa con người với con người bị xói mòn, tình trạng vô cảm đang xuất hiện ngày càng nhiều trên các phương tiện truyền thông. Tình yêu thương thực sự là giá trị rất cần được phát huy và nhân rộng.

Thứ hai, đạo đức Tin Lành nhấn mạnh đạo đức, trách nhiệm cá nhân. Tín đồ biểu hiện đức tin của mình qua tinh thần phục vụ và thái độ ứng xử lẫn nhau trong thực tiễn cuộc sống theo những lời răn trong Kinh Thánh xuất phát từ nhận thức đức tin cá nhân. Từ điều răn thứ 5 đến điều răn thứ 10 là phép tắc điều chỉnh hành vi cá nhân trong quan hệ giữa người với người.

(5) Hãy hiếu kính cha mẹ người, hầu cho người được sống lâu trên đất mà Giê Hô Va Đức Chúa trời người ban cho.

(6) Người chớ giết người.

(7) Người chớ phạm tội tà dâm.

(8) Người chớ trộm cướp.

(9) Người chớ nói chứng dối cho kẻ lân cận mình.

(10) Người chớ tham nhà kẻ lân cận người, cũng đừng tham vợ người hoặc tôi trai tớ gái, bò, lừa hay là vật chi thuộc về kẻ lân cận người (Xuất Edipto 20: 12-17).

Đó là những nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức có ý nghĩa định hướng nhằm giữ gìn trật tự xã hội. Nó cũng là chuẩn mực đạo đức trong xã hội ngày nay.

Mỗi tín đồ Tin Lành có trách nhiệm xã hội như một sứ mệnh do Đức Chúa Trời giao cho. Max Weber tóm tắt quan niệm đạo đức của phái Calvin như sau: “Cách duy nhất để có một cuộc sống đẹp lòng Thiên Chúa không phải là vượt lên trên nền đạo đức của đời sống trần thế bằng lối sống khổ hạnh trong tu viện, mà chính là chu toàn trong thế gian các bổn phận tương ứng với chức phận mà cuộc sống dành cho mỗi người trong xã hội. Chính vì thế mà các bổn phận trở thành thiên chức của mỗi người”⁸. Đây là một trong những nhân tố mà Weber cho rằng nó góp phần tạo nên tinh thần của chủ nghĩa tư bản. Với tinh thần trách nhiệm cá nhân, tín đồ Tin Lành thể hiện sự năng động trong cuộc sống với mục đích đem lại lợi ích cho xã hội bằng lối sống nhiệt tình trong lao động, sống thanh bạch và tiết kiệm. Những quy tắc ứng xử cá nhân cùng với lòng nhiệt tình, trách nhiệm trong lao động và lối sống giản dị, tiết kiệm của tín đồ Tin Lành phù hợp với xã hội hiện đại, phù hợp với quan điểm của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong xây dựng và phát triển đất nước.

Thứ ba, Tin Lành đưa ra những chuẩn mực ràng buộc cuộc sống gia đình. Gia đình được coi là tế bào của xã hội loài người. Gia đình có vai trò quan trọng trong việc định hướng phẩm chất đạo đức của con người. Kinh Thánh có rất nhiều lời răn liên quan đến chuẩn mực đạo đức gia đình, như mối quan giữa cha mẹ và con cái, giữa vợ và chồng,... Kinh Thánh dạy bổn phận người làm con phải hiếu kính cha mẹ, nghe lời dạy bảo của cha mẹ, không được ngược đãi, khinh bỉ cha mẹ già, v.v..

“Hỡi con, hãy nghe lời khuyên dạy của cha, chớ bỏ phép tắc của mẹ con” (Châm ngôn 1: 8)

“Hỡi các con hãy nghe lời khuyên dạy của một người cha, khá chú ý vào, hầu cho biết sự thông sáng” (Châm ngôn 4: 1)

“Kẻ hãm hại cha mình, và xô đuổi mẹ mình là một con trai gây hổ ngươi và chiêu sỉ nhục” (Châm ngôn 19: 26)

“Ngọn đèn của kẻ rửa cha mẹ mình sẽ tắt giữa vùng tối tăm mờ mịt” (Châm ngôn 20: 20)

“Hãy nghe lời cha đã sanh ra con, chớ khinh bỉ mẹ con khi người trở nên già yếu” (Châm ngôn 23: 22)

Như đã trình bày ở trên, trong mười điều răn của Đức Chúa Trời, điều răn thứ năm dạy người làm con phải hiếu kính cha mẹ mình. Kinh Thánh cho biết những người con khôn ngoan là niềm vui cho cha mẹ. “Cha người công bình sẽ có sự vui vẻ lớn và người nào sinh con khôn ngoan sẽ khoái lạc nơi nó” (Châm ngôn 23: 24).

Đạo hiếu có vai trò hết sức quan trọng trong quan hệ gia đình. Thước đo văn hóa và nền nếp gia phong của một gia đình được thể hiện ở sự hiếu thảo, kính trọng của con cái đối với ông bà, cha mẹ. Đây cũng là đạo lý “uống nước nhớ nguồn” mà người Việt Nam nào cũng thấm nhuần.

Hôn nhân của người Tin Lành có điểm tương đồng với hôn nhân của người Việt Nam và phù hợp với chủ trương, chính sách của Nhà nước Việt Nam, đó là chỉ chấp nhận hôn nhân một vợ một chồng.

Điều răn thứ bảy và thứ mười là các điều răn ngăn cấm các hành vi làm tổn hại đến hạnh phúc gia đình. Điều 69 Hiến chương của Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (Miền Nam) quy định “mọi người phải tôn trọng hôn nhân, chung thủy một vợ một chồng, Hội Thánh không chấp nhận ly hôn, ngoại trừ trường hợp ngoại tình; Lời Chúa lên án những hình thức luyến ái như đồng tính, tiền hôn nhân, ngoại hôn nhân, đa thê, loạn luân, vô luân...; Vợ chồng, cha mẹ, con cái và mọi người trong gia đình phải có lòng hiếu thảo, vâng phục, thương yêu, trung tín, thủy chung và tôn trọng nhau”. Điều này phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam “Hôn nhân tự nguyện, tiến bộ, một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng” và “Cấm người đang có vợ, có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người khác hoặc người chưa có vợ, chưa có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người đang có chồng, có vợ”⁹.

Cùng với sự phát triển của nền kinh tế thị trường, sự tăng trưởng nhanh chóng của nền kinh tế đã kéo theo sự suy thoái đạo đức của một bộ phận không nhỏ các tầng lớp trong xã hội; sự lệch lạc, buông thả trong lối sống của không ít người, nhất là thế hệ trẻ; sự bùng phát của các tệ nạn xã hội; xói mòn những tình cảm tốt đẹp trong mối quan hệ giữa người

với người; mối quan hệ giữa người với người trở nên lạnh nhạt, vô cảm. Trong một xã hội như vậy, việc xây dựng đạo đức, lối sống con người Việt Nam trở thành một vấn đề có tính thời sự. Những giá trị phù hợp với văn hóa truyền thống, phù hợp với giá trị của thời đại mới, phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, của tôn giáo nói chung và của Tin Lành nói riêng rất cần được phát huy nhằm xây dựng đạo đức, lối sống của con người Việt Nam hiện nay, góp phần tạo nên sự ổn định xã hội, đoàn kết khoan dung và phát triển bền vững.

2.3. Giá trị thẩm mỹ Tin Lành

Như trên đã phân tích, giá trị chân lý của Tin Lành chính là Kinh Thánh. Người Tin Lành đón nhận chân lý nhờ đức tin vào Thiên Chúa. Thiên Chúa, mà biểu đạt cụ thể qua con người Chúa Jesus, là một giá trị tuyệt đối về chân lý, luân lý đạo đức và cái đẹp. Để nắm bắt cái đẹp, người Tin Lành phải học Lời Chúa được ghi trong Kinh Thánh.

Tin Lành chú trọng đặc biệt việc răn dạy tín đồ về nghi thức thờ phượng Chúa. Nhấn mạnh đặc biệt sự tuân thủ các quy tắc mang tính chất như là các tín điều trong đời sống đức tin.

Người Công giáo xuất phát từ niềm tin vào Thiên Chúa, lấy Kinh Thánh và truyền thống làm chủ đề chính để diễn tả và phát triển thông qua các hình thức thờ phượng và biểu đạt niềm tin khác nhau được chuyển tải thành các giá trị thẩm mỹ nổi bật như hội họa, kiến trúc, điêu khắc, âm nhạc.... Không khó để tìm ra những nhà thờ, tu viện Công giáo có giá trị nghệ thuật nổi tiếng thế giới, hay những danh họa để lại những tác phẩm hội họa bất hủ mang chủ đề Công giáo. Người Tin Lành chỉ thờ phượng Chúa, triệt để cấm sử dụng hoặc thờ tranh ảnh, tượng Thánh, di cốt Thánh, cũng như không có Thánh địa và thực hiện hành hương.

Các nhà thờ Tin Lành có kiến trúc đơn giản, không dùng tượng Chúa chịu nạn, không có “cung thánh” trang hoàng nguy nga, trên tường không có ảnh tượng *14 đàng thương khó*, chỉ có vài câu Kinh Thánh được kẻ, treo ở chỗ dễ thấy, và duy nhất có cây thập giá biểu tượng Chúa chịu nạn.

Cốt lõi của nghi thức thờ phượng trong Tin Lành (đối với hầu như tất cả các dòng phái) là đọc Kinh Thánh và giảng Kinh Thánh (đọc và

hiều lời Chúa). Đi liền với việc đọc Kinh Thánh là cầu nguyện cá nhân và tập thể. Những bài cầu nguyện có thể là theo mẫu - thường thì trích ở trong Kinh Thánh hoặc là tự người cầu nguyện ngẫu hứng “cảm động Chúa” mà nói lên. Cuối cùng, hát thánh ca tôn vinh ngợi khen Chúa là yếu tố không thể thiếu của mỗi cuộc thờ phượng bởi vì “đạo Chúa nếu thiếu sự ca hát ngợi khen thì cũng giống như quả địa cầu này không có ánh sáng Mặt Trời”.

Tuy nhiên, đức tin vào chân lý nếu chỉ tồn tại ở góc độ siêu thực, hướng thần thì sẽ không còn là chân lý. Đức tin ấy được người Tin Lành thể hiện qua lối sống được diễn tả bởi nhân quan Tin Lành. Đó là vẻ đẹp trong cách ứng xử hàng ngày giữa con người với con người, giữa cá nhân với cộng đồng và thiên nhiên theo mẫu hình lý tưởng là Chúa Jesus.

Theo Kinh Thánh, tín đồ được cứu rỗi bởi đức tin chứ không bởi việc làm công đức, nhưng chính bằng việc làm công đức mà họ thể hiện, chứng minh được đức tin của mình. Hơn nữa, người tín đồ trong ý định sáng tạo và tái tạo của Đức Chúa Trời là để làm việc thiện. Làm việc thiện không phải là nền tảng của Tin Lành nhưng là cách để hoàn thành đức tin, việc thiện là kết quả của đức tin, nếu không có việc thiện thì đời sống của một tín đồ tiêu cực, sáo rỗng. Một đức tin tôn giáo chân chính sẽ phải được thể hiện bằng hành động thực tiễn vì đức tin không có hành động đức tin sẽ không có giá trị. Kinh Thánh có câu: “Đức tin không có việc làm kèm theo là đức tin chết” (Gia-cơ 2: 17). Hành động thực tiễn phải được xem là bằng chứng của một người được công nhận là sống công chính.

Như vậy, đối với người Tin Lành, đức tin không phải là niềm tin vào mơ hồ, tìm cho mình sự an ủi vào thế giới đời sau. Đức tin của người Tin Lành là hướng tới Đức Chúa Trời để thay đổi cuộc sống. Người Tin Lành tin vào Đức Chúa Trời sẽ hướng tới sự hoàn thiện bản thân, tận tụy vì người khác, xây đắp tình yêu thương nhân loại, hướng tới một thế giới tốt lành. Từ đó, họ thực hiện những lời răn dạy của Chúa Trời về đạo đức và lối sống, tham gia vào các tổ chức xã hội, làm từ thiện với tinh thần tự nguyện.

Ngoài ra, trong quá trình hoạt động truyền giáo tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên từ những năm 20 của thế kỷ XX, các giáo sĩ Hội Truyền giáo C.M.A và các mục sư truyền đạo người Việt

đã xuất bản các sách, bài viết ghi lại nhật ký truyền giáo chứa đựng nhiều chi tiết khoa học đáng quý về nhân chủng học, về phong tục tập quán của nhiều dân tộc trên Tây Nguyên mà họ đã từng tiếp xúc, nghiên cứu để tiến hành truyền giáo.

Đặc biệt đáng chú ý là kho tàng khoa học rất đồ sộ mà các giáo sĩ ngôn ngữ của Hội Ngữ học Mùa hè (S.I.L) tiến hành. Cho dù mục đích của họ là nghiên cứu về nhân chủng học, ngữ âm tộc người, dựng chữ viết theo mẫu tự Latinh cho 22 dân tộc, in ấn kinh sách để truyền đạo... nhưng những nghiên cứu của họ là những dữ liệu khoa học rất đáng quý cho các nhà ngôn ngữ, dân tộc học hiện nay và cả sau này.

2.4. Giá trị ý thức hệ Tin Lành

Giá trị ý thức hệ Tin Lành được xem xét dưới góc độ thế giới quan của người Tin Lành. Thế giới quan dùng để chỉ một khái niệm toàn diện về thế giới từ một quan điểm cụ thể. Thế giới quan của một người là nền tảng căn bản, để người đó có thể đưa ra quyết định về hành động hàng ngày của mình. Thế giới quan của người Tin Lành là một khái niệm toàn diện theo quan điểm của Kinh Thánh trả lời câu hỏi về sự hình thành của thế giới tự nhiên, nguồn gốc của con người và mối quan hệ giữa con người với tự nhiên, xã hội.

Ý thức hệ Tin Lành về sự hình thành thế giới tự nhiên

Nỗ lực nhằm hiểu nguồn gốc cũng như quy luật vận hành của thế giới tự nhiên luôn là thách thức khiến khoa học không ngừng phát triển. Các nhà khoa học liên tục tiếp cận những lĩnh vực mới, khám phá thế giới tự nhiên bằng những phương pháp mới. Trong thế kỷ XVI, XVII, Copernicus, Kepler và Galileo đã xây dựng lập luận thuyết phục rằng Trái Đất quay quanh Mặt Trời chứ không phải Mặt Trời quay quanh Trái Đất. Những năm tiếp theo, nghiên cứu thiên văn học đã chứng minh có rất nhiều biến cố lớn xảy ra bao gồm những thay đổi mạnh mẽ liên quan đến sự hiểu biết bản chất của vật chất và cấu trúc của vũ trụ. Cho đến nay, các nhà khoa học vẫn không ngừng tìm kiếm câu trả lời cho câu hỏi về sự ra đời và tồn tại của thế giới tự nhiên.

Tuy nhiên, đối với người Tin Lành, quan điểm về sự hình thành thế giới tự nhiên dựa trên nền tảng của sách Sáng Thế ký trong Kinh Thánh. Sách Sáng Thế ký chỉ rõ nguồn gốc của thế giới là do Thiên

Chúa sáng tạo ra. Thiên Chúa là đấng tạo hóa toàn năng, đấng chỉ cần phán là hoàn tất.

Ban đầu Thượng đế tạo nên trời và đất...

Thượng đế phán “ánh sáng hãy xuất hiện” thì liền có ánh sáng...

Sau đó Thượng đế phán “phải có một cái vòm phân chia nước ra làm hai”. Nên Thượng đế tạo ra cái vòm để chứa một số nước ở phía trên khoảng không và một số nước bên dưới khoảng không ấy. Thượng đế gọi khoảng không ấy là “bầu trời”...

Rồi Thượng đế phán, “nước ở dưới trời phải gom lại một chỗ để đất khô hiện ra”. Sự việc liền xảy ra như thế. Ngài gọi chỗ khô ráo là “đất” và chỗ nước tụ lại là “biển”... Sau đó Thượng đế phán, “đất phải sinh ra cây cối, một vài loại sinh ra hạt giống và loại khác sinh ra trái cây có hạt. Mỗi loại hạt sẽ sinh ra nhiều cây khác cùng giống”. Sự việc liền xảy ra như Ngài phán...

Rồi Thượng đế phán, “phải có các đèn sáng trên trời để phân biệt ngày với đêm. Các đèn đó sẽ dùng làm dấu hiệu chỉ mùa, ngày và năm. Các đèn trên trời sẽ chiếu sáng đất”

Sau đó Thượng đế phán “nước phải chứa đầy các sinh vật, chim phải bay trong vòm trời phía trên mặt đất”

Rồi Thượng đế phán “đất phải sinh ra các loài thú vật, mỗi loài sản sinh ra nhiều con khác cùng giống. Phải có các loài gia súc, các loài bò sát cùng các dã thú, ...” sự việc liền xảy ra như thế.

Thế là trời, đất và mọi vật trong đó đã được dựng nên xong. Đến ngày thứ bảy Thượng đế hoàn tất công tác của Ngài, cho nên Ngài nghỉ việc. Thượng đế ban phước cho ngày thứ bảy và thánh hóa ngày ấy vì là ngày Thượng đế nghỉ ngơi công tác sáng tạo thế giới (Sáng Thế ký 1: 1-31, 2: 1-3)

Ý thức hệ Tin Lành về nguồn gốc con người

Khi nói đến nguồn gốc con người, những người không theo Tin Lành sẽ nghĩ ngay đến Darwin - người đưa ra thuyết tiến hóa thông qua quá trình chọn lọc tự nhiên hoặc một số quan niệm khác coi nguồn gốc của con người xuất phát từ một dạng vật chất hay vật tổ nào đó.... Tuy nhiên, khác với quan niệm trên, người Tin Lành tư duy

về con người dựa trên ba khía cạnh: Thiên Chúa tạo dựng nên con người - sự sa ngã gây nên tội lỗi của con người - ân sủng của Thiên Chúa thông qua việc dùng tình yêu thương để cứu rỗi con người. Với tư duy như vậy, người Tin Lành dễ dàng trả lời các câu hỏi hiện sinh của con người như: Tôi đến từ đâu? Tại sao lại có điều thiện, điều ác? Mục đích đời sống tôi là gì? Điều gì xảy ra khi tôi chết?

Ý thức hệ Tin Lành giải đáp câu hỏi về nguồn gốc của loài người dựa trên cơ sở của Kinh Thánh với quan niệm con người được Thiên Chúa tạo nên.

Kinh Thánh có ghi rằng: *Sau đó Thượng đế lấy bụi đất tạo nên con người. Ngài thổi hơi thở vào lỗ mũi, thì con người trở thành người sống* (Sáng Thế ký 2: 7).

Con người là tạo vật độc đáo nhất của Thiên Chúa, hoàn toàn khác với các tạo vật khác vì con người được tạo dựng dựa trên hình ảnh của Thiên Chúa và được Thiên Chúa ban cho quyền quản trị muôn vật.

Thượng đế tạo con người theo hình ảnh Ngài. Thượng đế tạo ra họ theo hình ảnh Ngài. Ngài tạo ra người đàn ông và đàn bà. Thượng đế ban phước cho con người và bảo, “hãy sinh con đẻ cái thật nhiều cho chạt đất và hãy quản trị đất. Hãy cai quản loài cá trong biển, chim trên trời và các động vật trên đất (Sáng Thế ký 1: 27-28).

Ý thức hệ Tin Lành về mối quan hệ giữa con người với tự nhiên, xã hội

Về mối quan hệ giữa con người với thế giới tự nhiên, theo thế giới quan Tin Lành như đã phân tích ở trên, Thiên Chúa sáng tạo ra thế giới tự nhiên và con người. Trong đó con người được tạo dựng theo hình ảnh Chúa và được Chúa ban cho quyền cai quản thế giới tự nhiên. Tuy nhiên, Kinh Thánh cũng dạy con người được sử dụng những sản vật thiên nhiên để phục vụ mình nhưng phải “chăm sóc và trông rọt” (Sáng Thế ký 2:15) chứ không phải là phá hủy nó.

Về mối quan hệ giữa con người trong xã hội, Kinh Thánh nhắc đến mối quan hệ giữa cá nhân với cá nhân, cá nhân trong gia đình và cá nhân với cộng đồng.

Trong mối quan hệ giữa cá nhân với cá nhân, Kinh Thánh nhấn mạnh sự bình đẳng, yêu thương và tha thứ.

Theo Kinh Thánh, con người được Thiên Chúa tạo dựng theo hình ảnh của Ngài và *Thượng đế đối với mọi người như nhau. Bất kỳ nước nào, hãy ai thờ kính Ngài và làm điều phải thì Ngài chấp nhận* (Công vụ 10: 34-35). Tuy mỗi người có vị trí khác nhau trong xã hội nhưng bình đẳng với nhau về phẩm giá. Kinh Thánh ghi: *anh chị em đều là thân thể Chúa cứu thế, mỗi người là một phần của thân thể ấy* (I Cô rinh 12: 27).

Yêu thương được cho là ân tứ cao quý nhất trong mối quan hệ giữa con người. Kinh Thánh ghi: *Tôi có thể bỏ thứ hết của cải, hi sinh thân mình để làm của lễ thiêu nhưng nếu không có tình yêu thương thì chẳng ích gì cho tôi. Tình yêu thương nhẫn nại và nhân từ. Tình yêu thương không đố kỵ, không khoe khoang, không tự phụ. Tình yêu thương không cộc cằn, không ích kỷ, không nóng nảy. Tình yêu thương bỏ qua các tổn thương đã chịu. Tình yêu thương không vui vì điều ác nhưng vui trong sự thật. Tình yêu thương chấp nhận mọi điều. Lúc nào cũng tin tưởng, lúc nào cũng hi vọng, lúc nào cũng chịu đựng...*

Cho nên chỉ có 3 điều này là còn mãi: đức tin, hi vọng và tình yêu thương. Mà điều cao quý hơn cả là tình yêu thương (I Cô rinh 13: 3-13).

Tha thứ là một nếp thực hành trong đời sống của người Tin Lành. Người Tin Lành được Chúa tha thứ và Chúa dạy họ cũng phải biết tha thứ. Kinh Thánh có viết: *Hãy đối với nhau trong nhân từ và yêu thương, tha thứ nhau như Thượng đế đã tha thứ anh em trong Đấng Chúa Cứu Thế* (Ê-phê-sô 4:32).

Trong mối quan hệ gia đình, người Tin Lành luôn xem trọng gia đình vì theo định nghĩa của Kinh Thánh, hôn nhân là một giao ước giữa một người nam và một người nữ. Cuộc hôn nhân đầu tiên của loài người là cuộc hôn nhân giữa Adam và Eva do Thượng đế thiết lập. Kinh Thánh có nhiều đoạn viết về trách nhiệm của cha mẹ và con cái trong gia đình. Người Tin Lành mong muốn con cái của mình lớn lên trong sự tin kính, hiểu biết và thực hành sống đạo theo Kinh Thánh dạy.

Trong mối quan hệ cá nhân và cộng đồng, người Tin Lành được Kinh Thánh dạy cùng là con cái Đức Chúa Trời, nên xem nhau là anh em. Do đó, khi gặp một người Tin Lành khác họ dễ có cảm tình với nhau, có cảm giác như gần gũi, thân quen. Người Tin Lành được dạy

và thường xuyên nhắc nhở về tình yêu thương, sự tha thứ, giúp đỡ, phục vụ... nên tình đoàn kết và tương trợ giữa họ rất cao.

Sự liên lạc, thăm viếng lẫn nhau giữa những người Tin Lành trong cùng một Hội Thánh thường xuyên hơn so với các tôn giáo khác. Tùy theo điều kiện, các Hội Thánh có thể tổ chức những buổi nhóm tuần hoàn tại các gia đình tín hữu, hoặc những cuộc thăm viếng định kỳ các tín hữu. Người Tin Lành cho rằng nhà thờ là nhà Chúa nên khi đến nhà thờ họ có cảm giác như về nhà mình.

Tóm lại, hệ giá trị Tin Lành được tồn tại và dung chứa dưới nhiều hình thức từ Kinh Thánh đến phương châm hành đạo và cách nhìn nhận, lối ứng xử hàng ngày của người Tin Lành. Những giá trị này không hề xa lạ hay đi ngược lại với các giá trị phổ quát của người Việt Nam và của nhân loại. Những giá trị luân lý, đạo đức Tin Lành đang góp phần tạo nên những cá nhân có nhân cách tốt, những gia đình có tính gắn kết bền chặt và những cộng đồng có sức đề kháng tốt với những tệ nạn xã hội. Những giá trị này cần được nhìn nhận và phát huy để góp phần tạo nên một xã hội ổn định và phát triển bền vững./.

CHÚ THÍCH:

- 1 Xem thêm: Nguyễn Quốc Tuấn (2016), *Phát huy giá trị của tôn giáo nhằm xây dựng và nâng cao đạo đức, lối sống con người Việt Nam hiện nay*, Đề tài cấp Nhà nước do Viện Nghiên cứu Tôn giáo chủ trì.
- 2 Hội đồng Giám mục Việt Nam (2011), *Từ điển Công giáo 500 mục từ*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội: 47.
- 3 Jean Baubérot (2006), *Lịch sử đạo Tin Lành*, Nxb. Thế giới, Hà Nội: 9-22.
- 4 *Yahweh Elohim* (Tiếng Hebrew) là tên riêng, thiêng liêng của Đức Chúa Trời.
- 5 Nguyễn Đại Dương (2015), *Những giá trị của người Tin Lành*, Kỷ yếu hội thảo khoa học: *Trách nhiệm xã hội của người Tin Lành trong quá khứ và hiện tại* do Viện Nghiên cứu Tôn giáo và Hội Thánh Tin Lành Hà Nội tổ chức, tháng 12, Hà Nội.
- 6 Nguyễn Đại Dương (2015), *Những giá trị của người Tin Lành...*, t.lđđ.
- 7 Max Weber (Bùi Văn Nam Sơn, Nguyễn Nghị, Nguyễn Tùng, Trần Hữu Quang dịch, 2008), *Nền đạo đức Tin Lành và tinh thần của chủ nghĩa tư bản*, Nxb. Tri thức, Hà Nội: 142.
- 8 Max Weber (Bùi Văn Nam Sơn, Nguyễn Nghị, Nguyễn Tùng, Trần Hữu Quang dịch, 2008), *Nền đạo đức Tin Lành và tinh thần của chủ nghĩa tư bản*, Sđd: 142.
- 9 Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 10, *Luật hôn nhân và gia đình* (2001) điều 2, 4.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hội đồng Giám mục Việt Nam (2011), *Từ điển Công giáo 500 mục từ*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.

2. Jean Baubérot (2006), *Lịch sử đạo Tin Lành*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
3. *Kinh Thánh bản phổ thông*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2012.
4. Kỷ yếu Hội thảo: *Trách nhiệm xã hội của người Tin Lành trong quá khứ và hiện tại* do Viện Nghiên cứu Tôn giáo và Hội Thánh Tin Lành Hà Nội tổ chức tháng 12/2015.
5. Hans Kung (Nguyễn Nghị dịch, 2008), *Các nhà tư tưởng lớn của Kitô giáo*, Nxb. Tri thức, Hà Nội.
6. “Lút-Vích Phoi-ơ-Bắc và sự cáo chung của triết học cổ điển Đức” trong *C. Mác và Ph. Ăng-ghen toàn tập*, tập 21, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
7. Max Weber (Bùi Văn Nam Sơn, Nguyễn Nghị, Nguyễn Tùng, Trần Hữu Quang dịch, 2008), *Nền đạo đức Tin Lành và tinh thần của chủ nghĩa tư bản*, Nxb. Tri thức, Hà Nội.
8. Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 10, *Luật Hôn nhân và Gia đình*, Hà Nội, 2000.
9. Nguyễn Quốc Tuấn (Chủ nhiệm, 2016), *Phát huy giá trị của tôn giáo nhằm xây dựng và nâng cao đạo đức, lối sống con người Việt Nam hiện nay*, Đề tài cấp Nhà nước do Viện Nghiên cứu Tôn giáo chủ trì.

Abstract

COMPENDIUM OF PROTESTANTISM'S VALUES IN VIETNAM

Every religion has a different worldview, a conception of life; however, its doctrine, canon law which conducts people to an ideal society, happy life, honest and kind relationship among people. Each religion has its own system of values and norms which expresses its specific faith. In this system, apart from the commandments to protect religious belief (the sacred or spiritual world), there are commandments that prescribe believers' behaviour and lifestyle. They are called the ethical norms that express through the moral values in the secular society, emphasize the family and community relationships. This article analyses the specific values of Protestantism and the common values of morality which are consistent with the building of lifestyle in Vietnam at present.

Keywords: Value; ethic; specific; similarity; Protestantism; Vietnam.